

Bản án số: 117/2026/HS-ST
Ngày: 09-6-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Hào.
- Bà Trần Thu Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Chu Trần Khánh Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Đức Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 98/2026/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2026, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên **Trần Thị T**, sinh năm 1962, tại Thành phố Hà Nội; số căn cước công dân: 001162036630; nơi đăng ký thường trú: **Số B Q, phường T, thành phố Hà Nội**; nơi ở trước khi bị bắt: **Số H N, phường T, thành phố Hà Nội**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn C** và bà **Nguyễn Thị Đ** (đều đã chết); Bị cáo có chồng là **Vũ Ngọc H** (đã chết), không có con; Tiền án: Ngày 17-10-2014, Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 24-4-2015, Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt với bản án của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang buộc **T** phải chấp hành hình phạt chung cho 02 bản án là 38 tháng tù (Chấp hành xong án phạt tù ngày 21-5-2017); ngày 07-02-2018, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Chấp hành xong án phạt tù ngày 05-7-2018); ngày 23-11-2018, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh

Bắc Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Chấp hành xong án phạt tù ngày 10-01-2021); ngày 14-3-2022, Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Chấp hành xong án phạt tù ngày 26-11-2022); ngày 19-4-2023, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Chấp hành xong án phạt tù ngày 14-12-2025); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26-8-1981, Công an quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi “chứa mại dâm” và “môi giới mại dâm”; ngày 06-6-1982, Công an quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi “trộm cắp tài sản của công dân”; ngày 12-8-1982, Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; ngày 21-6-1984, Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; ngày 16-8-1994, Công an quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi “chống người thi hành công vụ”; ngày 16-3-2000, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; ngày 22-7-2005, Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xử phạt 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03-3-2026, đến ngày 12-3-2026 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam số 3 Công an tỉnh N; có mặt.

- **Bị hại:** Chị Phạm Thị Bích T1, sinh năm 1983; địa chỉ: Số A ngách A H, phường K, thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 02-3-2026, Trần Thị T thuê ông Lê Văn C1, sinh năm 1959, chở xe ôm từ chợ T2, phường B, tỉnh Bắc Ninh đến Đền T3, phường N, tỉnh Ninh Bình, nói là đi lễ hội. Khi đến nơi, ông C1 đợi ở bãi gửi xe, còn T đi bộ vào khu di tích Đền T3 tìm du khách có tài sản sơ hở để trộm cắp. Khoảng 01 giờ 05 phút, ngày 03-03-2026, khi đến khu vực sân Đền T4, T phát hiện chị Phạm Thị Bích T1, sinh năm 1983 để hờ 01 chiếc điện thoại ở túi áo bò phía trước ngực trái. Thoa áp sát, dùng tay trái cầm ngang chiếc túi xách của T đưa lên che trước ngực chị T1, rồi luồn tay phải của T dưới chiếc túi xách, móc chiếc điện thoại từ túi áo ngực trái của chị T1. T cất giấu chiếc điện thoại vào trong túi xách rồi tiếp tục đi tìm người có tài sản sơ hở để trộm cắp, nhưng không lấy được gì. Khi T đi ra khu vực bãi xe nơi ông C1 đợi thì bị cơ quan công an triệu tập đưa về trụ sở làm việc. Tại cơ quan điều tra, Trần Thị T đã đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình và tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A52S 5G, màu tím đã qua sử dụng vừa trộm cắp của chị T1, 01 áo khoác gió màu đen; 01 áo có họa tiết hình lá màu đỏ - trắng trên nền màu xanh; 01 quần nhung dài màu nâu; 01 đôi giày dạng sục màu đen; 01 túi xách bằng vải

sáng màu, có in nhiều họa tiết dạng hình con chim có gắn hai quai xách; 02 mảnh giấy bạc; 01 điện thoại di động nhãn hiệu HMD, màu đen đã qua sử dụng mà T dùng để gọi điện thoại thuê ông C1 chở đến Đền T3.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐDGTS ngày 09-3-2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự phường N, tỉnh Ninh Bình kết luận: Tại thời điểm ngày 03-3-2026, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A52S 5G là vật chứng của vụ án có giá trị là 2.600.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Thị Bích T1 đã nhận lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A52S 5G, màu tím, chị T1 không có yêu cầu T phải bồi thường gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 163/CT-VKSND-KV7 ngày 12-5-2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình đã truy tố Trần Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2, khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Trần Thị T khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố; bị cáo xin được miễn án phí hình sự sơ thẩm vì bị cáo là người cao tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HMD, màu đen gắn thẻ sim đã qua sử dụng; tịch thu tiêu hủy: 01 áo khoác gió màu đen; 01 áo có họa tiết hình lá màu đỏ - trắng trên nền màu xanh; 01 quần nhung dài màu nâu; 01 đôi giày dạng sục màu đen; 01 túi xách bằng vải sáng màu, có in nhiều họa tiết dạng hình con chim có gắn hai quai xách; 02 mảnh giấy bạc.

- Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi nên được miễn án phí.

- Áp dụng Điều 331, 333 Bộ Luật tố tụng hình sự về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo đối với bị cáo, bị hại;

Bị cáo Trần Thị T nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh N, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ Luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 09-3-2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường N, tỉnh Ninh Bình; vật chứng của vụ án; lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng, tại Cơ quan điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ khác phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 01 giờ 15 phút, ngày 03-3-2026, tại khu vực Dền T4 thuộc Khu D, phường N, tỉnh Ninh Bình, Trần Thị T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A52S 5G, màu tím của chị Phạm Thị Bích T1 có trị giá 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Bị cáo Trần Thị T có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý. Trước đó bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa được xóa án tích nhưng đã tái phạm và bị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; lần này bị cáo phạm tội do lỗi cố ý nên xác định là “Tái phạm nguy hiểm” theo tình tiết định khung. Như vậy, bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm mất trật tự trị an trên địa bàn, gây hoang mang lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Vì vậy, cần buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình và việc đưa bị cáo ra xét xử công khai, xử lý về hình sự đối là cần thiết nhằm góp phần trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

+ Về nhân thân: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thể hiện: Bị cáo **Trần Thị T** có nhân thân rất xấu; bị cáo đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật từ năm 11 tuổi, đã nhiều lần phạm tội với các hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo có 05 tiền án chưa được xóa án tích.

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo **Trần Thị T** đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện giao nộp tài sản trộm cắp của chị **T1** nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ là khắc phục hậu quả; bị cáo tự thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Đường lối xử lý về hành vi phạm tội của bị cáo:

- Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo cũng như động cơ mục đích phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét thấy, ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo kém, từ năm 2014 đến năm 2023 bị cáo đã liên tục phạm tội và bị Tòa án xét xử vào các năm 2014, 2015, 2018 (02 lần), 2022, 2023, những lần phạm tội bị cáo đều chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để cải tạo bản thân mà tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý nên cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo và tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi môi trường ngoài xã hội một thời gian nhất định nữa mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về các biện pháp tư pháp:

- Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị **Phạm Thị Bích T1** 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A52S 5G, màu tím là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu HMD màu đen có lắp thẻ sim, đã qua sử dụng: **T** dùng để gọi điện thoại thuê ông **C1** chở đi lễ **Đền T3**, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với 01 áo khoác gió màu đen, 01 áo có họa tiết hình lá màu đỏ-trắng trên nền màu xanh, 01 quần nhung dài màu nâu, 01 đôi giày dạng sục màu đen, 01 túi xách bằng vải sáng màu, bên ngoài có in nhiều họa tiết dạng hình con chim có gắn hai quai xách, 02 tờ giấy bạc: Xét thấy bị cáo không có nhu cầu nhận lại

và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về các vấn đề khác trong vụ án:

- Về trách nhiệm dân sự: Chị **T1** đã nhận lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A52S 5G, màu tím và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên vấn đề trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong.

- Ông **Lê Văn C1** được **T** thuê chở đến khu vực **Đền T3, phường N, tỉnh Ninh Bình** nhưng ông **C1** không biết mục đích **T** đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông **Lê Văn C1** là phù hợp với quy định của pháp luật

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo **Trần Thị T** bị kết án nhưng bị cáo là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1,2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ Luật Tố tụng hình sự; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Tuyên bố bị cáo **Trần Thị T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo **Trần Thị T** 02 năm 06 tháng (Hai năm sáu tháng) tù, thời hạn tù tính từ ngày 03-3-2026.

2. Biện pháp tư pháp:

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu HMD màu đen được lắp thẻ sim, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 áo khoác gió màu đen, 01 áo có họa tiết hình lá màu đỏ - trắng trên nền màu xanh, 01 quần nhung dài màu nâu, 01 đôi giày dạng sục màu đen, 01 túi xách bằng vải sáng màu, bên ngoài có in nhiều họa tiết dạng hình con chim có gắn hai quai xách, 02 tờ giấy bạc.

(Vật chứng có đặc điểm, chủng loại theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo **Trần Thị T**.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo **Trần Thị T** được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa

được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- THADS Ninh Bình;
- Công an tỉnh Ninh Bình;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hải Ninh